

HƯ TỪ TIẾNG VIỆT THẾ KỶ XV
TRONG QUỐC ÂM THI TẬP VÀ HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP
Vũ Đức Nghiệu

1. Trong nghiên cứu lịch sử từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt, hư từ là một bộ phận không thể bỏ qua, bởi vì, đối với Việt ngữ, một ngôn ngữ đơn lập điển hình, hư từ là một phương thức ngữ pháp có vai trò cực kỳ quan trọng.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích và bước đầu nêu một số nhận xét về lớp hư từ tiếng Việt trong hai tác phẩm (viết bằng chữ Nôm) thế kỷ XV là Quốc âm thi tập (QA) và Hồng Đức quốc âm thi tập (HĐ) nhằm góp thêm tư liệu để có thể hình dung được, tiến tới hiểu được diện mạo của hệ thống hư từ tiếng Việt thế kỷ XV.

2. Việc xác định và lập danh sách các hư từ của tiếng Việt hoàn toàn không đơn giản, bởi vì trên thực tế, trong tiếng Việt cũng như trong các ngôn ngữ đơn lập khác, ranh giới phân định giữa vấn đề của ngữ pháp với vấn đề của từ vựng nhiều khi rất không rành mạch. Ở đây, có nhiều hư từ đã hình thành từ thực từ nhờ những lý do khác nhau, trong đó, đáng kể và quan trọng nhất là quá trình ngữ pháp hoá; và ngay cả khi “đã hình thành hư từ rồi thì giữa những hư từ này và các thực từ tương ứng thường cũng vẫn còn bảo tồn những mối quan hệ khá rõ nét” [3, tr. 274].

Nếu lấy những tiêu chí phổ biến, được đa số trong giới nghiên cứu chấp nhận, coi hư từ là những từ: a/ không có ý nghĩa từ vựng chân thực, hoặc chỉ có ý nghĩa từ vựng mờ nhạt; b/ không có chức năng định danh; c/ làm công cụ để biểu đạt những ý nghĩa, phạm trù ngữ pháp nào đó của thực từ; (nói tóm lại là những từ có liên quan đến việc diễn đạt, biểu thị những loại ý nghĩa ngữ pháp); thì khi khảo sát hai tập thơ, chấp nhận và căn cứ vào hai bản phiên âm hiện đã công bố, đồng thời, quy những cách phiên âm khác nhau của cùng một hư từ vào làm một (chẳng hạn, *liễn-lẫn* à *lẫn*), chúng tôi xác định được 135 hư từ các

loại. Chúng được sử dụng 3920 lần trong tổng độ dài văn bản 26300 lượt từ (làm tròn số), chiếm khoảng 14,9% độ dài văn bản ¹.

Trong số 135 hư từ đó, điều dễ thấy đầu tiên là nếu so với trạng thái tiếng Việt hiện nay, chúng có thể được phân chia thành ba loại: Loại thứ nhất là những hư từ cổ (gồm những từ đã mất hoặc gần như mất hẳn trong đời sống tiếng Việt hiện đại), loại thứ hai là những hư từ hiện vẫn đang tồn tại trong tiếng Việt ngày nay nhưng đã có những biến đổi về ý nghĩa và cách dùng, loại thứ ba là những hư từ có thể nói là không biến đổi từ thế kỷ XV cho đến nay. Dưới đây là một số miêu tả và phân tích cụ thể.

2.1. Các hư từ cổ.

Đây là loại bao gồm những hư từ đã vắng bóng trong đời sống hoạt động của tiếng Việt hiện đại. Nói rõ hơn, đó là những hư từ không còn được sử dụng trong giao tiếp thường nhật một cách bình thường nữa. Danh sách những hư từ này bao gồm: *Bui* (18 lần), *mưa* (35), *nhẫn* (32), *sá* (23), *phô* (3), *tua* (11), *thừa* (18), *ru* (1), *vay* (9), *hoà* (43), *chỉn* (20), *chưng* (45), *lọ* (26), *luống* (14), *máy* (103), *khôn* (53), *chăng* (80), *le* (1), *huống* (10), *ngõ* (6), *há* (22), *hề* (7), *đồi* (19), *tá* (7), *khá* (21).

Trong số các hư từ cổ này, có thể vạch được một đường phân giới khá rõ, chia chúng thành hai nhóm: nhóm gồm những từ đã hoàn toàn mất hẳn và nhóm gồm những từ chưa hoàn toàn mất hẳn trong tiếng Việt hiện đại.

2.1.a. Nhóm những hư từ cổ đã hoàn toàn vắng mặt trong tiếng Việt ngày nay: *bui* (18), *chỉn* (20), *chưng* (45), *hoà* (43), *lọ* (26), *luống* (14), *mưa* (35), *nhẫn* (32), *phô* (3), *ru* (1), *sá* (23), *tua* (11), *thừa* (18), *vay* (9).

Trừ trường hợp từ *chưng*, tuy hoặ hiếm, nhưng vẫn còn có thể còn gặp trong lời nói "giả cổ" như vì *chưng*, bởi *chưng*, mười bốn hư từ trên đây hoàn

¹ Tất nhiên, vì quan niệm về từ hư từ có thể rộng, hẹp khác nhau, việc xác định ranh giới từ có thể khác nhau ít nhiều giữa những người nghiên cứu, việc phiên âm văn bản nôm cũng có thể có ít nhiều dị biệt, cho nên những con số thống kê có thể có những xê xích một chút. Tuy vậy, chúng tôi đã ước lượng, những dị biệt đó thực sự không đáng kể, và không làm cho bức tranh toàn cảnh về các hư từ được khảo sát ở đây bị sai lệch.

toàn không còn hiện diện trong tiếng Việt hiện đại nữa, chủ yếu là vì bị hư từ khác thay thế (trong đó có cả những hư từ vốn là dạng gốc của một hư từ mới, được hình thành do các biến đổi ngữ âm lịch sử và thay thế cho dạng gốc ấy). Điều này hoàn toàn bình thường và chúng ta có thể gặp trong bất kỳ ngôn ngữ nào, vì đó chính là biểu hiện của quy luật đào thải và phát triển trong quá trình diễn tiến của ngôn ngữ nói chung. Ví dụ: Nếu trong ngữ liệu thế kỷ XV, chúng ta gặp những cách nói như: *Bui* có một lòng trung liễn hiếu (QA. bài 69), *Mưa* nghe sầm nịnh có niềm tây (QA.bài.145), Cái gương *nhân* có thiếu Trương Hoa (QA.bài.114), Dây dây hoa nở tốt *hoà* tươi (QA.bài.247)... thì ngày nay, tiếng Việt đã hoàn toàn dùng *duy/ chỉ* thay cho *bui*, dùng *đừng / chớ* thay cho *mưa*, dùng *dầu / dẫu / dù* thay cho *nhân*, dùng *và* thay cho *hoà* ... tại các vị trí của chúng trong những câu đó.

Điều cần chú ý ở đây là: mặc dù có thể khác nhau ở chi tiết này, chi tiết khác, nhưng nhìn chung các hư từ cổ bị mất đi (*bui, mưa, hướng, lộ, nhân, sá, tua, phô, ru, vay*) chủ yếu vẫn là do được/bị (những) hư từ khác có ý nghĩa tương đương, đồng nghĩa thay thế. Tuy nhiên, cũng có những hư từ tự thân chúng biến đổi đi trong quá trình phát triển lịch sử, làm hình thành hư từ mới thay thế cho chính chúng (*hoà à và, chín à chỉ*); và cũng có trường hợp ý nghĩa ngữ pháp do chúng biểu thị, có ý nghĩa thì bị rụng đi, có ý nghĩa lại được hư từ khác thay thế thể hiện, đã làm cho chúng bị triệt thoái khỏi hệ thống (*chung, thừa*).

Tư liệu cho thấy: trong QA và HĐ, đã có những nhóm hư từ đồng nghĩa và chắc chắn rằng sự cạnh tranh, phân chia chức phận trong nội bộ từng nhóm đã góp phần dẫn đến những khả năng loại trừ, thay thế lẫn nhau, khiến cho một hay vài hư từ nào đó trong mỗi nhóm dần dần trở nên ít được sử dụng rồi về sau trở thành từ cổ. Đó là những nhóm như: *hoà - cùng/cùng nhau, không - chẳng - chẳng, sá - tua - nên - hãy, mưa - đừng - chớ, nhân - đến - hơn- dầu* ... Ví dụ: Trong QA và HĐ, hư từ *nhân* xuất hiện 26 lần thì:

+ Bên cạnh ý nghĩa *đến*, *tới* của nó, đã có hư từ *đến* xuất hiện 40 lần, *tới* 26 lần.

So sánh: Đêm đêm thức *nhẩn* nẻo sơ chung (QA, b. 68)

Chân chẳng lọt *đến* cửa vương hầu (QA, b. 30)

+ Bên cạnh ý nghĩa như *dầu* / *dù* của nó, đã có hư từ *dầu* xuất hiện 87 lần.

So sánh: Bà ngựa *dầu* lành, nào Bá Nhạc

Cái gương *nhẩn* có, thiếu Trương Hoa (QA, b. 114)

+ Bên cạnh ý nghĩa như *hơn* của nó, đã có hư từ *hơn* xuất hiện 36 lần.

So sánh: Năng một hoa này *nhẩn* mọi loài (QA, b. 230)

Lớn *hơn* mọi vật gọi là voi (HĐ. PVM, b.65)

Ngoài ra, chúng tôi cũng thấy tình hình tương tự như vậy giữa:

- *sá* (xuất hiện 23 lần), *tua* (11 lần) với *nên* (107 lần), *hãy* (38 lần);
- *mưa* (xuất hiện 35 lần) với *chớ* (53 lần), *đừng* (4 lần);
- *chẳng* (xuất hiện 80 lần) với *không* (7 lần), *chẳng* (231 lần);
- *hoà* (xuất hiện 43 lần) với *cùng*, *cùng nhau* (74 lần), *vừa* (4 lần)
- *tày* (xuất hiện 6 lần) với *tựa* (19 lần), *duong* (53 lần), *bằng* (lần 65), *như* (lần 16)...

Như vậy, sự thay thế một hư từ cổ ở đây có thể không phải bằng một, mà nhiều khi, bằng một số hư từ khác. Hiện tượng này thường xảy ra khi có một hư từ đa nghĩa, đa chức năng bị một số hư từ khác, mỗi hư từ có một hoặc vài ý nghĩa, chức năng tương đồng thay thế cho một trong số những ý nghĩa, chức năng của nó. Ví dụ, ngoài trường hợp từ *nhẩn* và những từ vừa kể trên, có thể quan sát thêm trường hợp hư từ *hoà*. Từ này trong QA và HĐ:

- Vừa có ý nghĩa, chức năng như một liên từ (tương tự như *và*, *với*); chẳng hạn: Dây dây hoa nở tốt *hoà* tươi (QA, b. 247)...

- Vừa có ý nghĩa, chức năng như một phó từ đứng trước vị từ, thậm chí đứng trước danh từ (tương tự như *vẫn, hãy, cả, vừa*); chẳng hạn: *Hoà cao hoà sáng vuồn hoà thanh* (HĐ. TĐM, b.19), *Thuyền hoà còn dội tiếng đình đình* (QA, b.123), *Mười phương châu ngọc vẹn hoà mười* (HĐ. PVM, b. 1)...

Hiện nay, ý nghĩa, chức năng làm liên từ của *hoà* vẫn được bảo lưu trong *và*, nhưng các ý nghĩa và chức năng làm phó từ của *hoà* thì không còn được lưu lại trong *và* nữa. Thay vào đó, tiếng Việt hiện đại huy động các từ *vẫn/ hãy/ cả/ vừa ...* để chuyển tải những ý nghĩa và chức năng tương ứng của *hoà* trước đây. Điều này hoàn toàn có thể kiểm chứng được. Nếu chúng ta thay *hoà* trong các câu trên đây: *Hoà cao hoà sáng vuồn hoà thanh. Thuyền hoà còn dội tiếng đình đình. Mười phương châu ngọc vẹn hoà mười...* bằng *vẫn/ hãy/ cả/ vừa ...* tùy từng trường hợp cho tương thích, thì ba câu này hoàn toàn trở thành ba câu của tiếng Việt ngày nay, không còn một mảy may gì những vết tích của thế kỷ XV.

2.1.b. Các hư từ: *le* (1), *mấy* (103), *khôn* (53), *chung* 45), *huống* (10), *ngõ* (6), *há* (22), *hề* (7), *đòi* (19), *tá* (7), *khá* (21) chưa hoàn toàn biến mất trong tiếng Việt hiện đại. Chúng không còn hoạt động tích cực trong đời sống ngôn ngữ thường nhật hiện nay, nhưng ở những mức độ khác nhau, trong một vài phương ngữ, trong một số cách nói, một số kết cấu nhất định, chúng vẫn còn tồn tại. Ví dụ:

- Trong khẩu ngữ ở một vài phương ngữ Bắc bộ, đôi khi chúng ta vẫn nghe được cách nói ... *mấy/mí nhau* thay cho *với nhau*.

- Trong một vài lối nói nệ cổ, "giả cổ" chúng ta gặp *le* trong *song le*, gặp *chung* trong *bởi chung*, vì *chung...*, gặp *tá* trong *đâu tá? chẳng tá?* gặp *ngõ* trong *ngõ hầu*, gặp *há* trong *há nữa, há để*, gặp *khá* trong *khá khen...*

- Trong lối nói văn chương, *khôn* được sử dụng để thể hiện ý phủ định và kèm cả ý nghĩa tình thái “không thể” trong các kết cấu như: *khôn nguôi, khôn cùng, khôn khuây, khôn xiết, khôn lường...*

- Chúng ta cũng vẫn còn gặp *huống* trong *huống hồ*, *huống chi*... gặp *hề* trong *không hề*, *chẳng hề*, *hề gì*, *hề chi*, *không hề gì*, *chẳng hề gì*... gặp *đòi* trong *học đòi*, *theo đòi*, *đua đòi*...

Như vậy, các hư từ vừa nói trên đây không bị đào thải hoàn toàn mà chỉ bị thu hẹp không gian tồn tại và hoạt động của chúng vào một số cách nói, một số kết cấu rất hạn chế. Lý do là ở chỗ:

- Có khi chính các ý nghĩa hoặc chức năng của chúng bị thu hẹp, bị cạnh tranh hoặc đã bị thay thế hẳn. Ví dụ: thay cho *mấy* đã có *với*, thay cho *khá* có *nên/đáng*, thay cho *há* có thể là *chẳng lẽ*, thay cho *ngõ/ngõ hầu* đã có *nhằm/để/nhằm để*, thay cho *khôn* đã có *không thể* ...

- Có khi chúng thu hẹp năng lực hoạt động với tư cách là một từ độc lập của mình lại, chỉ còn tồn tại với tư cách là một thành tố trong một kết cấu cố định hoặc một "từ ghép". Ví dụ: *le*, *chung*, *tá*, *huống*, *hề*, *đòi* ... trong *song le*, vì *chung*, *bởi chung*, *đâu tá*, *huống hồ*, *huống chi*, *chẳng hề*, *không hề*, *hề gì*, *hề chi*, *học đòi*, *theo đòi*, *đua đòi* ...

Điều đáng chú ý là: tại những nơi các hư từ đó còn hiện diện, cái nghĩa vốn có của chúng từ thế kỷ XV vẫn còn tiếp tục được duy trì.

2.1.c. Khi nói về các hư từ cổ, kể cả những hư từ được coi như đã hoàn toàn vắng bóng trong tiếng Việt ngày nay, không nên đơn giản nghĩ rằng chúng đã bị đào thải một cách triệt để và chóng vánh từ lâu rồi.

Trên thực tế, quá trình rút lui của chúng thường diễn ra trong khoảng thời gian rất lâu dài; và trong quá trình đó, trong quá trình hoạt động ngôn ngữ, có thể chúng rất ít khi xuất hiện hoặc không còn xuất hiện, hoạt động nữa, nhưng các từ điển vẫn cứ còn thu thập, tùy theo quan niệm của người biên soạn và quy mô của từ điển. Chẳng hạn:

Kiểm chứng qua một số từ điển, chúng tôi thấy như sau: [Viết tắt: TĐ1: Từ điển Việt-Bồ đào nha-Latinh (A.de Rhodes, 1651). TĐ2: Tự vị An nam - Latinh (Pigneaux de Behaine, 1772-1773). TĐ3: Từ điển Truyện Kiều (Truyện Kiều,

cuối thế kỷ XVIII). TĐ4: Đại Nam quốc âm tự vị (Huỳnh Tịnh Của, 1896). TĐ5: Từ điển Việt-Pháp (J.F.M. Genibrel, 1898). TĐ6: Việt Nam tự điển (Khai trí tiến đức, 1931). TĐ7: Từ điển tiếng Việt (Văn Tân chủ biên, 1969). TĐ8: Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, 1994). Đối chiếu theo hàng ngang, dấu + thể hiện rằng còn được ghi nhận trong từ điển tương ứng, dấu - thể hiện rằng không còn được ghi nhận trong từ điển tương ứng].

	TĐ1	TĐ2	TĐ3	TĐ4	TĐ5	TĐ6	TĐ7	TĐ8
bui	-	-	-	-	-	+	+	-
chỉn	-	+	+	+	+	+	+	+
chung	+	+	-	+	+	+	+	+
hoà	+	+	+	+	+	+	+	-
lọ	+	-	+	-	+	+	+	+
luống	-	+	+	+	+	+	+	+
mưa	+	+	-	+	+	+	+	+
nhẫn	+	+	+	+	+	+	+	+
phô	+	+	-	+	+	+	-	-
ru	+	+	+	+	+	+	+	+
sá	-	+	+	+	+	-	+	+
tua	-	+	-	+	+	+	-	+
thửa	+	+	+	+	+	+	-	-
vay	-	+	+	+	+	+	+	+

Sự tồn tại (còn được hiện diện) trong các từ điển của các hư từ trên đây tuy không đồng đều: (*nhẫn*, *ru* còn được ghi trong cả 8 từ điển, *chỉn*, *chung*, *hoà*, *luống*, *mưa*, *vay* còn được ghi trong 7 từ điển, *lọ*, *sá*, *thửa* còn được ghi trong 6 từ điển, *phô*, *tua* còn được ghi trong 5 từ điển, *bui* được ghi trong 2 từ điển) nhưng điều này vẫn có giá trị chứng tỏ rằng: đối với các hư từ cổ đó, không phải là ngày nay chúng ta không còn có thể nhận diện và hiểu được chúng nữa.

2.2. Loại hư từ thứ hai là những hư từ vốn đã có mặt trong QA và HĐ, tồn tại suốt từ ngày đó cho đến nay, nhưng trong ý nghĩa và chức năng của chúng đã có những xu hướng biến động khá đa dạng và phức tạp: 1/ Khi thì mở rộng ý nghĩa hoặc phạm vi hoạt động ra; 2/ Khi thì thu hẹp ý nghĩa hoặc phạm vi hoạt động lại; 3/ Khi thì vừa mở rộng chỗ này, vừa thu hẹp chỗ kia.

2.2.1. Về trường hợp mở rộng ý nghĩa, chức năng và khả năng tham gia các cấu trúc, có thể khảo sát hư từ *bằng* và hư từ *như* làm ví dụ.

Từ *bằng* xuất hiện 65 lần (trong QA 35 lần, trong HĐ 30 lần); *như* xuất hiện 16 lần (trong QA 2 lần, trong HĐ 14 lần). Như vậy có thể thấy: trong QA và HĐ, (và có thể suy rộng ra: trong tiếng Việt thế kỷ XV), hư từ *bằng* chiếm ưu thế tuyệt đối về mặt số lượng so với hư từ *như* trong các cấu trúc so sánh ngang cấp. Đáng lưu ý là ở chỗ: cả *bằng* và *như* trong nguồn ngữ liệu đang xét đều chỉ thể hiện ý nghĩa so sánh, chưa hề mang một ý nghĩa ngữ pháp nào khác. Ví dụ: *Miệng người như mật mùi qua ngọt. Đạo thánh bằng tơ mối hãy dài* (QA, bài 91). *Lầu lầu đèn bụt rạng như tô* (HĐ.PCM, bài 44). *Ngọt bằng mít mát bằng dứa* (HĐ.PVM, bài 38).

Tuy nhiên, càng về sau này, *như* càng khẳng định vị thế của nó qua tần số sử dụng càng ngày càng tăng và mở rộng thêm những ý nghĩa, chức năng khác nữa. Trong QA, *như* mới chỉ xuất hiện 02 lần/ *bằng* 35 lần, đến HĐ (sau QA nửa thế kỷ và có độ dài tương đương), *như* đã xuất hiện 14 lần/ *bằng* 30 lần, đến Truyện Kiều, *như* được dùng tới 91 lần/ *bằng* 9 lần, và Từ điển tần số tiếng Việt [6] cho biết trong tiếng Việt khoảng những năm 1960-1970, tần số của *như* là 2410, còn tần số của *bằng* là 518.

Đến nay, ngoài ý nghĩa và chức năng làm từ so sánh ra, *như* đã phái sinh, mở rộng, phát triển thêm một số ý nghĩa và chức năng khác. Cụ thể là:

a. So sánh nhằm gia thêm ý nghĩa miêu tả, đánh giá và ý nghĩa tình thái cho vị ngữ của câu. Ví dụ: Hấn nấc lên *như* muốn khóc. Nó cứ làm *như* chết đến nơi ...

b. Nhấn mạnh vào ý: "Điều sắp nói đến không có gì mới lạ, hoặc không cần phải bàn cãi". Ví dụ: *Như* chúng ta đã biết, chuyện này có những điều tế nhị. Cậu Thành, *như* đã thông báo hôm qua, sẽ ở lại, không đi đợt này...

c. Liệt kê những đối tượng đồng loại để làm ví dụ minh họa cho cái vừa được nói tới. Ví dụ: Nó là mẹ đẻ của những tính xấu *như* suy bì, kiêu căng, kèn cựa và lười biếng... Những đồ dùng cá nhân *như* quần áo, giày dép, chăn màn ...

Đối với hư từ *bằng*, đồng thời với việc san sẻ vị thế với *như*, nó cũng có những chiều hướng mở rộng ý nghĩa và chức năng rất mạnh. Nếu trong QA và HĐ, *bằng* chỉ thuần túy là một từ so sánh, thì hiện nay, bên cạnh ý nghĩa đó, nó còn có một số ý nghĩa và chức năng rất quan trọng khác nữa như:

a. Ý nghĩa chỉ chất liệu tạo nên sự vật được nói đến. Ví dụ: *Bàn bằng gỗ*.

b. Ý nghĩa chỉ phương tiện, phương pháp của hoạt động. Ví dụ: *Đi bằng ô tô. Phải làm xong bằng mọi cách*.

c. Thể hiện điều sắp nêu ra là yêu cầu/ mức độ (mà hành động vừa được nói tới) phải đạt được. Ví dụ: ...*viết bằng xong thì thôi*. ...*có gặp bằng được*(rồi mới về).

Thực tế cho thấy: sự phái sinh, phát triển các ý nghĩa, chức năng vừa nói của *bằng* đã diễn ra không sớm lắm. Nói cách khác, các ý nghĩa, chức năng ấy mãi đến gần đây mới hoạt động một cách tích cực. Chứng có là: trong từ điển Việt Bồ đào nha La tinh của A. De Rhodes (thế kỷ XVII) và trong Truyện Kiều (nửa cuối thế kỷ XVIII), tự vị An nam-Latinh của Pigneaux de Behaine (1772 - 1773) ba ý nghĩa, chức năng vừa nêu trên đây của *bằng* chưa hề được ghi nhận. Tuy nhiên, nói vậy không có nghĩa rằng chúng ta khẳng định: đến thế kỷ XVIII, ba ý nghĩa, chức năng ấy hoàn toàn chưa xuất hiện. Chúng chưa được ghi trong từ điển, nhưng trong Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều (thế kỷ XVIII), chúng ta đọc được: "*Giết nhau bằng cái lưu cầu, giết nhau bằng cái u sầu độc chưa*" thì không thể nói rằng vào thời đó ý nghĩa chỉ phương tiện hành động của hư từ *bằng* chưa xuất hiện. Có điều chắc chắn rằng năng lực hoạt động

của *bằng* với ý nghĩa này lúc đó hẳn còn rất yếu, đến nỗi từ điển chưa đưa vào bảng từ, chưa ghi nhận, và Truyện Kiều cũng chưa hề sử dụng.

Sang cuối thế kỷ XIX, Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của (1896), Tự điển Việt Pháp của Genibrel (1898) đã ghi nhận một cách chắc chắn ý nghĩa chất liệu, phương tiện của *bằng* qua những ngữ liệu như: *bằng tơ; bằng vải; bằng gỗ* (ĐNQATV) *bằng gỗ; bằng vàng; bằng bạc* (TĐVP); *tôi kêu người bằng anh; kêu cái này bằng giống gì? súc miệng bằng nước lã* (TĐVP).

2.2.2. Về trường hợp thu hẹp ý nghĩa và chức ngữ pháp, xét các ví dụ sau đây:

a. Hư từ *cùng* :

Trong QA và HĐ, *cùng* được dùng 68 lần: làm phó từ đi trước vị từ 25 lần, làm liên từ 18 lần, làm giới từ 25 lần. Ví dụ: Lừng lẫy *cùng* ca khúc thái bình (HĐ.TĐM, b.33), Làm người chẳng có đức *cùng* tài (QA, b.6), Ăn chiên chẳng quản đối *cùng* no (HĐ.NĐM, b.9), Chơi *cùng* đùa đại nên bày đại (QA, b.148)

Như vậy, ở đây, *cùng* xuất hiện (được dùng) với ý nghĩa, chức năng làm liên từ, giới từ nhiều hơn là ý nghĩa, chức năng làm phó từ trước vị từ. Hiện nay, và (liên từ), với (liên từ, giới từ) đã đảm nhiệm chức năng liên từ, giới từ của *cùng* và thay thế cho *cùng* trong đại đa số trường hợp. (Trong QA và HĐ đã có từ *với* xuất hiện 2 lần - tất nhiên con số này có thể thay đổi chút ít do cách phiên âm chữ Nôm giữa *với* và *mấy*). Từ điển tần số tiếng Việt 1979 [5] cho thấy rất rõ điều đó: Trong khi tần số của *cùng* là 409 thì tần số của *và* là 7903 và tần số của *với* là 1483. Độ chênh lệch về tần số ở đây hết sức lớn.

Qua những cứ liệu trên, có thể khẳng định rằng từ thời QA và HĐ, hư từ *cùng* đã đồng nghĩa với hư từ *và* (thời đó còn là *hoà*) ở chức năng liên từ, đồng nghĩa với hư từ *với* ở chức năng liên từ, giới từ. Chính sự đồng nghĩa này đã dần dần dẫn đến sự cạnh tranh và "phân phối lại" chức năng, ý nghĩa giữa chúng với

nhau, khiến cho *cùng* bị thu hẹp bớt dung lượng nghĩa và năng lực hoạt động của nó lại.

b. Hư từ *nữa*:

Trong QA và HĐ, chúng ta gặp *nữa* xuất hiện 61 lần, được sử dụng trong tuyệt đại đa số trường hợp với ý nghĩa và chức năng của một từ so sánh, thể hiện ý nghĩa so sánh hơn. Ví dụ: Cửa trúc sương xâm lạnh *nữa* đồng (HĐ.TĐM, b.11), Đêm lọt lưu tô lạnh *nữa* đồng (HĐ.TĐM, b.12), Thu sau càng thắm *nữa* thu này (HĐ.NĐM, b.34), Miệng thê nhon *hơn* chông mác nhon / Lòng người quanh *nữa* nước non quanh (QA, b.136)...

Ngày nay, ý nghĩa so sánh hơn của *nữa* đã bị triệt tiêu, làm cho dung lượng nghĩa của nó bị thu hẹp lại. Ngay trong QA và HĐ, từ *hơn* - "đối thủ" của nó - đã hiện diện tới 36 lần rồi.

2.2.3. Đối với trường hợp vừa mở rộng ý nghĩa, chức năng này lại vừa thu hẹp ý nghĩa, chức năng khác, từ *bằng* là một ví dụ cụ thể.

Ngoài sự mở rộng ý nghĩa, chức năng của *bằng* như chúng tôi đã phân tích bên trên, còn có một hướng biến đổi ngược lại, là thu hẹp ý nghĩa, chức năng, tầm hoạt động của nó. Từ thời QA và HĐ cho đến nay, ý nghĩa so sánh của hư từ *bằng* tuy vẫn được bảo lưu, nhưng càng về sau này, khi từ *như* càng mạnh dần lên và "lấn sân" của *bằng* ở một số chỗ, thì *bằng* buộc phải thu hẹp bớt ý nghĩa và chức năng của nó ở những chỗ đó lại. Tư liệu cho thấy: nếu như thời QA và HĐ *bằng* và *như* hoàn toàn thay thế được cho nhau, thì hiện nay, bên cạnh nhiều chỗ chúng vẫn hoàn toàn có thể thay thế được nhau, đã có nhiều chỗ chúng không còn thay thế cho nhau được nữa. Chẳng hạn:

Thời QA và HĐ có những cách nói: *Ngày tháng bằng thoi một phút cười* (QA, b. 22). *Ngọt bằng mít mát bằng dĩa* (HĐ. PVM, b.38). *Tỳ bà mấy khúc sầu bằng bể* (HĐ. NNCPT, b.50)...; đồng thời cũng có: *Miệng người như mật mùi qua ngọt* (QA, b.91). *Khua Ngô vỡ mật tan như ruốc* (HĐ.NNCPT, B.81). *Lầu lầu đèn bụt rạng như tô* (HĐ. NNCPT, b.81)... Ngày nay, chúng ta cũng có thể

gặp những cách nói: *Cao bằng mái nhà // Cao như mái nhà...* nhưng nói được: *Thị làm như không biết. Hai lần năm bằng mười...* mà không nói được: *Thị làm bằng không biết. Hai lần năm như mười...*

Thêm nữa, trong các câu như: *Ngày tháng bằng thoi một phút cười* (QA, b. 22). *Ngọt bằng mít mát bằng dừa* (HĐ. PVM, b.38). *Tỳ bà máy khúc sâu bằng bể* (HĐ. NNCPT, b.50)... vừa kể trên, nếu nói theo cách của ngày hôm nay, chắc chắn người Việt sẽ không nói với *bằng* mà nói với *như*.

Như vậy, so với thời QA và HĐ, *bằng* trong tiếng Việt ngày nay đã thu hẹp bớt phạm vi hoạt động của nó lại, chủ yếu chỉ hoạt động trong những cấu trúc có ý nghĩa so sánh định lượng về hình khối, số lượng, những so sánh logic, luận lý, nhằm nêu một thông báo cụ thể về một hiện thực cụ thể... còn những so sánh thiên về "định tính" hơn, những cấu trúc so sánh có tính chất tu từ hơn thì dường như đã được nhượng lại cho từ *như* (Chẳng hạn, ca dao nói: *Đàn ông nằm với đàn ông, như gốc như gác như chông như chà, đàn ông nằm với đàn bà, như gắm như vóc như hoa trên cành* mà không nói: ...* *bằng* gốc, * *bằng* gác, * *bằng* chông, * *bằng* chà, * *bằng* gắm, * *bằng* vóc, * *bằng* hoa trên cành).

2.3. Loại hư từ thứ ba là những hư từ mà có thể nói rằng từ thời QA và HĐ cho đến nay, hầu như không (hoặc về căn bản là không) có thay đổi gì về ý nghĩa và chức năng. Đó là những hư từ như: *nếu, thì, là, mới, nhưng, lại, của, để, cho, vì, nên, cũng, còn, đều, đã, đang, chưa, hãy, chớ, càng, tuy, bởi, các, những, chớ, mọi, từng...* Chúng ta có thể quan sát một số câu sau đây:

Ngủ *thì* nằm đối *lại* ăn (QA, b.10)

Chẳng thấp *thì* cao *ắt* được dùng (QA, b.132)

Tranh tàn *tuy* cũ *nhưng* còn điếm (HĐ.NNCPTT, b.24)

Rõ ràng, các hư từ như *thì, lại, chẳng, tuy, nhưng, ắt...* trên đây hoàn toàn không có gì khác so với tình trạng ý nghĩa, chức năng và hoạt động của chúng trong tiếng Việt ngày nay. Trong số các hư từ loại thứ ba này, có:

- 04 hư từ có thể làm thành tổ phụ trong các ngữ danh từ (danh ngữ),: *những* (55), *mọi* (31), *mỗi* (2), *các* (5) ...

- 38 hư từ có thể làm thành tổ phụ trong các ngữ vị từ (động ngữ và tính ngữ) như: *cũng* (30), *càng* (62), *cứ* (2), *chẳng* (231), *chưa* (45), *chửa* (29), *cực* (8), *đã/đãa* (223), *đều* (27), *đang/đương* (6), *hãy* (38), *đừng* (4), *chớ* (53), *hơi* (19), *không* (7), *mãi* (5), *nhau* (20), *quá* (5), *rồi* (8), *sẽ* (1), *trong* (75), *trên* (32), *trước* (23), *từng* (22), *vẫn/vuốn* (18), *vào* (5), *về* (12) ...

- 66 hư từ không làm thành tổ phụ trong các ngữ danh từ và ngữ vị từ (số này bao gồm cả những từ có thay đổi về nghĩa: mở rộng hoặc thu hẹp nghĩa). Ví dụ: *bằng* (65), *của* (9), *cùng* (68), *cùng nhau* (6), *cho* (61), *để* (26), *để mà* (1), *mà* (2), *nhân* (10), *bởi* (31), *bởi vì* (1), *vì bởi* (1), *tại* (3), *vì* (42), *như* (16), *hơn* (36), *với* (2), *là* (80), *mấy* (103), *hay* (37), *hay là* (4), *nhưng* (5), *ví dầu* (2), *nếu* (12), *thì* (124), *hễ* (4), *tại* (3), *nên* (107), *vả* (3), *kéo* (21), *từ* (31), *chẳng* (80), *thay* (41)...

Điều này cần được đặc biệt quan tâm phân tích chi tiết hơn trong nghiên cứu lịch sử ngữ pháp tiếng Việt cũng như những nghiên cứu khác về ngữ nghĩa và ngữ nghĩa học lịch sử.

2.4. Bên cạnh những nhóm hư từ vừa được đề cập như trên đây, trong QA và HĐ còn có một thực tế hết sức đáng chú ý nữa là: vào thời của hai tác phẩm này, tiếng Việt đã có và sử dụng nhiều cặp hư từ kết hợp với nhau để tạo lập những cấu trúc ngôn ngữ phức hợp, thể hiện những liên hệ phức hợp về ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. Ví dụ:

bao nhiêu ... bấy nhiêu ... Lộc được bao nhiêu ăn bấy nhiêu (QA, b.24)

bao giờ ... bấy giờ ... Mưa tưới bao giờ mát bấy giờ (HĐ.NNCPT, b.24)

có chi ... mà ... Có chi Cô Dịch khua lay cửa

mà giục Huyền Minh sớm gác yên (HĐ.PVM, b. 67)

càng ... càng ... Càng tiếc càng thương càng oán giận (HĐ.NNCPT, b.71)

<i>chẳng ... thì ...</i>	<i>Chẳng thấp thì cao ắt được dùng (QA, b.132)</i>
<i>dầu ... thì ...</i>	<i>Dầu thác thì còn tạc đến xương (HĐ.NNCPT, b.17)</i>
<i>dầu ... vuồn (vẫn) ...</i>	<i>Nghìn kiếp dầu ăn vuồn hãy còn (QA, b. 87)</i>
<i>đã ... thì ...</i>	<i>Đã sinh thì dưỡng mặc lòng trời (HĐ.NNCPT, b.13)</i>
<i>nếu ... thì ...</i>	<i>Nếu có ăn thì có lo (QA, b.20)</i>
<i>nhân ... phải ...</i>	<i>Nhân chưng giận chuốt phải nuôi mày (QA, b. 251)</i>
<i>vì ... phải ...</i>	<i>Lo thay! vì luy phải thờ ơ (QA, b. 108)</i>
<i>vì ... cho ...</i>	<i>Vì ai cho cái đồ quyen kêu (QA, b.197)</i>
<i>hễ ... thì ...</i>	<i>Hễ kẻ làm khôn thì phải khó (QA, b.176)</i>
<i>khi ... thì ...</i>	<i>Khi dùng đến mới biết rằng mau (HĐ.PVM, b.66)</i>
<i>ví ... thì ...</i>	<i>Ví có anh hùng duyên định máy thì chi Đông Hán dám hung hăng (HĐ.NNCPT, b. 88)</i>
<i>từ ... tới/ nhân ...</i>	<i>Trải từ lều cỏ tới nhà vàng (HĐ.NNCPT, b. 33) Suốt từ một khắc nhân năm canh (HĐ.TDM, b.22)</i>
<i>tuy (rằng) ... miễn ...</i>	<i>Phận tuy rằng khó miễn yên lòng (QA, b.56)</i>
<i>tuy ... cũng ...</i>	<i>Tuy rằng bốn bể cũng anh tam (QA, b.174)</i>
<i>tuy ... nhưng ...</i>	<i>Tranh tàn tuy cũ nhưng còn điểm (HĐ.NNCPT, b.24)</i>
<i>hoà ... hoà ...</i>	<i>Hoà cao hoà sáng vuồn hoà thanh (TDM, b.19)</i>

Có thể nói rằng, từ thời QA và HĐ đến nay, nhìn chung các cặp đôi hư từ đó không biến đổi hoặc rất ít khi có biến đổi. Trong phạm vi quan sát được của chúng tôi, ngoại trừ cặp hư từ "*hoà ... hoà...*" đã biến đổi; số còn lại hiện vẫn đang tồn tại, hoạt động trong tiếng Việt ngày nay và những ý nghĩa ngữ pháp, những đặc điểm, thuộc tính, nội dung thuộc bình diện ngữ dụng do chúng biểu thị cũng vẫn được giữ nguyên. Để biểu thị ý nghĩa "có hành động, trạng thái xảy ra đồng thời", trong HĐ nói, chẳng hạn "*hoà cao hoà sáng vuồn hoà thanh*" (TDM, b.19). Sự biến đổi từ HOÀ sang VÀ, và kèm theo đó là những thay đổi,

"chuyển nhượng" ngữ nghĩa, chức năng của nó đã dẫn đến chỗ cặp "*hoà ... hoà ...*" nay được thay thế bằng cách dùng "*vừa ... vừa ...*" có ý nghĩa tương đương, mà bước chuyển trung gian của chúng còn thể hiện rất rõ rệt trong ngôn ngữ văn xuôi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là cặp hư từ "*và ... và ...*", ví dụ như: *và nói và khóc, và đi và nói, và kêu và bay, và mừng và sợ, và thương và giận...* [3. tr. 278].

3. Xét về mặt nguồn gốc của các hư từ trong QA và HĐ, chúng tôi thấy có một bộ phận đáng kể trong số các hư từ ấy xuất phát từ nguồn gốc Hán, bao gồm cả cổ Hán Việt lẫn Hán Việt và Hán Việt Việt hoá: 38 trên tổng số 135 hư từ. Đó là các hư từ: *ắt, âu (hắn, là), bằng, bèn, càng, các, cùng, cứ, cực, đang, được, há, hoà, hướng, khá, không, liền, miễn, mọi, mỗi, ngoại, ngoài, nhân, như, phải, quá, tại, từ, tự, tựa, tuy, từng, thậm, thừa, vả, ví, vì, vốn* [xem thêm 8].

Theo quan sát của chúng tôi, các hư từ đó đã được vay mượn từ tiếng Hán vào tiếng Việt trong những thời kỳ khác nhau trước khi hai thi phẩm này ra đời và chúng đã có những biến đổi khá nhiều so với nguyên gốc. Hiện nay, trừ *thừa* và *hoà* đã không còn tồn tại và hoạt động nữa (*hoà* được thay thế bằng *và*; theo [8] thì *hoà* có nguồn gốc là từ Hán Việt, và chính là dạng Hán Việt Việt hoá của *hoà*), các trường hợp khác vẫn còn đang hoạt động. Cụ thể là:

a. Chúng ta gặp *âu* trong *âu hắn, âu là...*, *cực* trong *cực kỳ*, hoặc trong những kết cấu kiểu *cực xấu, cực tốt, cực giỏi...*; *vả* trong *vả lại, vả chăng...*; *hướng* trong *hướng hồ, hướng chi...*; *ngoại* trong *ngoại thương, ngoại ngữ, ngoại hối, ngoại tình...* (hoặc những cách nói "nệ cổ" như *ngoại ngữ tuần, ngoại lục tuần...*); *thậm* trong những cách nói như *thậm khó, thậm khổ, thậm tệ..*; *ví* trong *ví dầu, ví như, ví thử..*, *khá* trong *khá khen...*

b. Các hư từ khác còn lại (*ắt, bằng, bèn, càng, các, cùng, cứ, đang, được, há, không, liền, miễn, mọi, mỗi, ngoài, nhân, như, phải, quá, tại, từ, tự, tựa, tuy, từng, vả, ví, vì*) chẳng những đều đang tồn tại mà đại đa số trong số đó còn được sử dụng với tần số cao hoặc khá cao. Đối chiếu với Từ điển tần số 1980 [5] để tham khảo, chúng tôi thấy các số liệu như sau (con số ghi đằng trước trong dấu

ngoặc là tần số của từ; tiếp theo là độ phân bố của chúng): *bằng* (518, 268), *bèn* (19,14), *các* (5257, 485), *càng* (459,236), *cùng* (720, 321), *cứ* (790, 274), *đang* (1470,397), *được* (2815, 431), *không* (4185, 464), *liền* (53, 41), *mọi* (707, 287), *mỗi* (598, 263), *ngoài* (501, 240), *nhân* (35, 32), *như* (2112, 426), *phải* (2524, 417), *quá* (459, 208), *tại* (158, 92), *từ* (1337, 425), *tự* (98, 66), *tuy* (85, 71), *từng* (625, 270), *và* (*vả lại*)(18, 26), *vì* (577, 223).

Như vậy, rõ ràng là trong vốn từ vựng tiếng Việt, không chỉ ở khu vực thực từ, mà ngay cả ở khu vực hư từ, hiện tượng vay mượn cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Sau một thời gian "thử thách" đã đủ dài (ít nhất cũng là từ thế kỷ XV và trước đó đến nay) các hư từ xuất phát từ nguồn gốc Hán đó về căn bản chẳng những không mất đi vai trò và vị trí sử dụng của mình mà ngược lại, các vai trò và vị trí sử dụng ấy lại càng ngày càng được tăng cường. Các hư từ gốc Hán được vay mượn đã cung cấp thêm cho tiếng Việt một bộ phận công cụ ngữ pháp cần thiết để góp phần phát triển bộ phận này, làm cho nó có đủ khả năng thể hiện đầy đủ được các quan hệ ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp của tiếng Việt.

4. Từ những phân tích trình bày bên trên, tuy chưa được hoàn toàn đầy đủ và chi tiết, nhưng chúng tôi thấy, bước đầu đã có thể có cơ sở để rút ra một vài nhận xét như sau:

a. Từ thời Quốc âm thi tập và Hồng Đức quốc âm thi tập đến nay, hư từ tiếng Việt đã có nhiều biến đổi về nhiều mặt. Đối với các hư từ cổ ở đây, tư liệu khảo sát cho thấy: số từ bị "mất đứt" đi trong đời sống giao tiếp của tiếng Việt ngày nay (14/135) và số còn để lại tàn dư của chúng (11/135), rõ ràng là không nhiều. Trong các hư từ còn lại đến nay, có một số vẫn giữ y nguyên ý nghĩa, chức năng của chúng như hồi thế kỷ XV. Một số khác, lớn hơn nhiều, đã có những thay đổi và/hoặc phát triển bằng con đường bổ sung, mở rộng ý nghĩa, chức năng (đây là con đường chủ yếu), hoặc thu hẹp ý nghĩa, chức năng của chúng lại. Chính vì thế, có rất nhiều hư từ tồn tại và hoạt động liên tục từ QA và HĐ đến nay nhưng hiện nay chúng đã có thêm những ý nghĩa và chức năng ngữ pháp mà vào thời đó, chúng chưa hề có, hay ít nhất cũng có thể nói rằng những ý

nghĩa và chức năng ngữ pháp đó chưa được thể hiện trong nguồn ngữ liệu được phân tích. Ngược lại, rõ ràng là cũng có những hư từ thu hẹp bớt ý nghĩa, chức năng, hoặc cũng có khi, vừa mở rộng thêm ý nghĩa, chức năng này, vừa thu hẹp ý nghĩa, chức năng khác. (Việc tạo lập thêm những hư từ mới để thể hiện những ý nghĩa ngữ pháp, quan hệ và chức năng ngữ pháp mới được xác lập, lại là một vấn đề riêng). Đây chính là một trong những biểu hiện của sự biến đổi đa dạng và phức tạp của từ vựng tiếng Việt nói chung cũng như các hư từ tiếng Việt nói riêng, cần được miêu tả, phân tích chi tiết hơn để góp phần làm rõ hơn quá trình hình thành, diễn biến, phát triển của từng hư từ hoặc từng nhóm trong hệ thống từ công cụ ngữ pháp từ thế kỷ XV đến nay.

b. Nguồn tư liệu khảo sát cũng cho chúng ta thấy: vào thế kỷ XV, hệ thống hư từ của tiếng Việt chưa phong phú như bây giờ; và hồi đó đã có nhiều hư từ đa nghĩa mà mỗi nghĩa của chúng lại tương đương, đồng nghĩa với một hư từ khác, tạo thành những nhóm hư từ đồng nghĩa phản ánh những nét tương đồng và dị biệt rất tế nhị về mặt ý nghĩa ngữ pháp, ngữ dụng. Chính điều này đã dần dần dẫn đến sự phân bố lại về ý nghĩa, chức năng giữa chúng với nhau để đáp ứng nhu cầu biểu thị, diễn đạt, khiến cho một hoặc vài từ trong các nhóm (thường là hư từ đa nghĩa) bị chèn lấn rồi kết cục đi đến chỗ bị loại trừ, trở thành hư từ cổ. So sánh: *hoà - và - cùng/cùng nhau, chẳng - chẳng - không, sá - tua - nên - hãy, mưa - đừng - chớ, nhẫn - đến - hơn- đành, tày - dường - như - bằng - tựa, tại- bởi - vì...*

Tuy nhiên, không phải bao giờ cũng xảy ra tình trạng loại trừ, triệt tiêu nhau, mà ngược lại, có một điều rất đáng chú ý là nhiều khi chúng lại tổ hợp với nhau (ngay từ thời QA và HĐ) tạo thành những "hư từ ghép" như ví *dầu, dầu nhẫn, dầu hoà, vì bởi, song le...* và nay còn có thêm *hơn nữa, cùng với, bởi vì, tại vì, cho nên...* Điều này không có gì lạ. Hiện tượng hình thành những "hư từ ghép" như thế không nằm ngoài xu hướng tạo lập những đơn vị từ vựng song tiết đẳng lập nói chung (bằng cách ghép những cặp yếu tố đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc trái nghĩa lại với nhau, cũng giống như: *theo đòi, gánh vác, đối chác, đôi*

co, đầu đuôi, hỏi han trên dưới, đi về... vốn đã xuất hiện từ khá sớm trong tiếng Việt mà cho đến nay, xu hướng ấy vẫn đang càng ngày càng phát triển². (*).

Nhìn từ bình diện phát triển mà nói, chính những trường hợp như vậy vừa là nhân tố căn nguyên, lại vừa là kết quả của một tiến trình.

c. Ngôn ngữ trong QA và HD là ngôn ngữ thơ, do thi luật và thi pháp trong biểu hiện nên ít dùng hư từ; và vì vậy, các hư từ trong nguồn ngữ liệu này không phải là toàn bộ hệ thống hư từ tiếng Việt thế kỷ XV. Tuy nhiên, nếu so với các hư từ tiếng Việt hiện đại, thì với tất cả những gì quan sát được, chúng tôi cho rằng: hệ hư từ tiếng Việt thế kỷ XV đã đủ phong phú cả về số lượng và chất lượng, đủ năng lực để phục vụ cho tiếng Việt lúc đó hành chức ở trình độ cao. Điều này thể hiện rõ nhất ở những hư từ mà từ thế kỷ XV chúng đã mang những phẩm chất ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng như ngày nay và hầu như không có biến đổi từ đó đến nay. Loại này chiếm số lượng lớn và cùng với toàn hệ thống, đóng vai trò làm bộ công cụ ngữ pháp có đủ năng lực để phục vụ cho hoạt động ngôn ngữ, tạo lập văn bản, nhất là văn bản ngôn ngữ thơ ca - hình thức sớm của ngôn ngữ văn hoá, văn học Việt. Vì thế, cũng có thể nói: vào thời kỳ của QA và HD, hoặc sớm hơn chút ít, từ lúc ra đời của văn bản *Khoá hư lục giải nghĩa* (có thể vào khoảng thế kỷ XIV. Xem [6]) hệ thống công cụ ngữ pháp hư từ của tiếng Việt đã và đang vừa phát triển, vừa làm hoàn thiện và phong phú hơn cho mình cả về năng lực biểu thị các nội dung, ý nghĩa, quan hệ, ngữ pháp lẫn số lượng (gồm cả việc vay mượn, tiếp thu các hư từ gốc Hán - Đây là một vấn đề không nhỏ, cần có những nghiên cứu riêng). Chính điều này là cơ sở thuận lợi bảo đảm cho việc diễn đạt bằng ngôn ngữ văn xuôi trong giai đoạn bắt đầu hình thành nền văn xuôi Việt, khởi thủy bằng những văn bản giải âm, diễn âm đầu tiên như *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, *Truyện kỳ mạn lục*, *Thiên Nam ngữ lục* ... trong những thế kỷ tiếp theo./.

² Xem thêm: Vũ Đức Nghiệu: *Các đơn vị từ vựng song tiết đẳng lập tiếng Việt trong bối cảnh một số ngôn ngữ Đông Nam Á*. *Ngôn ngữ số 5-1999*; tr. 22-34; *Đơn tiết, đơn tiết hoá và đa tiết, đa tiết hoá trong quá trình phát triển của tiếng Việt*. *Kỷ yếu hội thảo Ngôn ngữ và ngôn ngữ học Liên Á lần thứ 6*. Hà Nội, 2005, tr.202-213.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban: Ngữ pháp tiếng Việt. Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 2005.
2. Nguyễn Tài Cẩn: Từ loại danh từ trong tiếng Việt. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1975.
3. Nguyễn Tài Cẩn: Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
4. Trương Văn Chính, Nguyễn Hiến Lê: Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam. Đại học Huế, 1963.
5. Nguyen Duc Dan: Dictionnaire de frequence du Vietnamien. Universite de Paris VII, 1980.
6. Trần Trọng Dương: Nghiên cứu các bản dịch "Khoá hư lục": chữ Nôm và tiếng Việt. Luận văn Thạc sĩ; Đại học quốc gia, Hà Nội, 2005.
7. Cao Xuân Hạo: Tiếng Việt- Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa. Nxb. GD, 1998.
8. Lý Lạc Nghị, Jim Waters: Tìm về cội nguồn chữ Hán. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998.
9. Nguyễn Anh Quế: Hư từ trong tiếng Việt hiện đại. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.
10. Stankievich, N. Vài nhận xét về các hư từ tiếng Việt thế kỷ 16 (Tư liệu rút từ Truyền kỳ mạn lục giải âm). Ngôn ngữ, số 9-2006, tr.1-9.
11. Stankievich, N. Hiện tượng giao thoa từ ngữ pháp tiếng Hán sang ngữ pháp tiếng Việt (qua cứ liệu "Khoá hư lục giải âm"). Ngôn ngữ, số 1-1988, tr. 31 - 35.
12. Stankievich, N. Về sự diễn biến của những hư từ chỉ nguyên nhân. Ngôn ngữ, số 4-1985, tr. 58 - 59.
13. Stankievich, N. Một vài suy nghĩ bước đầu về việc nghiên cứu ngữ pháp lịch sử tiếng Việt, T/c Ngôn ngữ, số 4, 1978, tr. 27 - 34.
14. Nguyễn Kim Thản: Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt. NXB GD. Hà Nội, 1997.
15. Bùi Đức Tịnh: Văn phạm Việt nam. NXB. Văn hoá. 1996.
16. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia: Ngữ pháp tiếng Việt. NXB KHXH. Hà Nội, 2000.
17. IS. Bustrov, Nguyen Tai Can, NV. Stankievich: Grammatika Vietnamskogo Jazyka. Leningrad, 1975.
18. Krifka M: Common nouns: A contrastive analysis of Chinese and English. In: Carlson and Pelletier (eds.). Chicago & London, 1995. 398-411 pp.
19. Viktor Krupa: Classifiers in the languages of Southeast Asia. Evolution of a lexico-syntactic category. Asian and African studies, XIV. 1978. 119-124 pp

NGUỒN NGỮ LIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. Quốc âm thi tập (QA). Trong sách: Nguyễn Trãi toàn tập. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.
2. Hồng Đức quốc âm thi tập (HĐ). Nxb. Văn học, Hà Nội, 1982.

TĐM: Thiên địa môn;

NĐM: Nhân đạo môn;

PCM: Phong cảnh môn;

PVM: Phẩm vật môn;

NNCPT: Nhân ngâm chư phẩm tập.

T/c Ngôn ngữ, Số. 12, 2006, tr. 1 – 14.

Từ khoá: hư từ, hư từ cổ, ý nghĩa ngữ pháp, chức năng, Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, thành tố phụ, danh ngữ.